

Số: 11/2020/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 13 tháng 11 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Nghệ An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và
Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của
Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số
973/2020/NQ-UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ
Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư
công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 7747/TTr-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Nghệ An; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng
nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí
và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-
2025 tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân
dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.



Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khóa XVII, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 11 năm 2020.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- VP Quốc hội, VP Chính phủ (để b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản) (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT./.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Sơn

Nghệ An, ngày 13 tháng 11 năm 2020

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025 tỉnh Nghệ An

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 13/11/2020
của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước (viết tắt là NSNN) giai đoạn 2021-2025 tỉnh Nghệ An làm căn cứ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025. Đồng thời là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị sử dụng vốn NSNN trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là các sở, ngành và địa phương).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025.

Điều 3. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025

Thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Điều 3, Nghị quyết số 973/2020/NQ-UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Điều 3, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025

1. Thực hiện theo các nguyên tắc được quy định tại Điều 4, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội và Điều 4, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025 nhằm thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XIX; các mục tiêu, định hướng trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của các ngành, lĩnh vực, địa phương và các quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch.

3. Việc bố trí vốn cho các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025 phải theo cơ cấu nguồn vốn và tổng mức đầu tư đã được quyết định tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án. Chỉ bố trí vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật liên quan. Các dự án được khởi công từ nguồn vốn nào thì tiếp tục ưu tiên cân đối cho phần còn lại từ nguồn vốn đó theo quy định để đảm bảo cân đối chung. Đối với các dự án chuyển tiếp, theo khả năng nguồn vốn ưu tiên bố trí theo quyết định phê duyệt đầu tư ban đầu và phần tổng mức điều chỉnh tăng do tăng giá theo chế độ chính sách của nhà nước trong thời gian hợp đồng. Các dự án điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư so với quyết định đầu tư ban đầu phải thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn theo quy định của Luật Đầu tư công.

4. Thứ tự ưu tiên bố trí vốn ngân sách nhà nước trong từng ngành, lĩnh vực, chương trình trong giai đoạn 2021-2025 như sau:

a) Phân bổ đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 theo quy định tại Khoản 4, Điều 101 Luật Đầu tư công (nếu có);

b) Phân bổ đủ vốn để hoàn trả vốn ứng trước kế hoạch đầu tư công tập trung nhưng chưa có nguồn để hoàn trả trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước (nếu còn);

c) Phân bổ vốn cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng theo kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được phê duyệt nhưng chưa bố trí đủ vốn; vốn cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (bao gồm cả vốn đối ứng); vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư; dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt (trong đó ưu tiên tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của các cấp, các ngành); dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch;

d) Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch;

đ) Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án;

e) Phân bổ vốn cho dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5, Điều 51 của Luật Đầu tư công.

7. Trong quá trình điều hành ngân sách tỉnh, nguồn tăng thu, tiết kiệm chi NSNN sử dụng theo quy định tại Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước, đối với phần vốn dành cho đầu tư phát triển (nếu có), ưu tiên bố trí để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi vốn ứng trước có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương theo quy định.

CHƯƠNG II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương, chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài

1. Đối với nguồn chương trình mục tiêu quốc gia:

- a) Bảo đảm đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công;
- b) Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương cho các chương trình mục tiêu quốc gia được thực hiện theo chủ trương đầu tư của từng chương trình do Quốc hội quyết định.

2. Đối với nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương:

a) Bố trí vốn bổ sung có mục tiêu cho các chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực đúng quy định pháp luật theo các nguyên tắc, thứ tự ưu tiên quy định tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

b) Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư công; sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển;

c) Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương trong nước bổ sung có mục tiêu cho địa phương được thực hiện như sau:

- Bố trí để hoàn thành các dự án thuộc danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 còn thiếu vốn theo cơ cấu nguồn vốn được cấp có thẩm quyền chấp thuận, trong đó ưu tiên bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn còn thiếu; thu hồi vốn ứng trước;

- Số vốn còn lại bố trí cho các dự án mới thuộc các ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 3 của Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Ưu tiên các dự án chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, nhiệm vụ quy hoạch tỉnh.

- Dự án bố trí từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương là dự án có quy mô từ nhóm B trở lên (không bao gồm các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia). Trường hợp khác báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định.

3. Đối với vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài:

Phân bổ trên cơ sở định hướng thu hút và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trong giai đoạn 2021-2025, nhu cầu của các ngành, địa phương đối với các dự án đang triển khai, các dự án chuyển tiếp, các dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư theo ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 3, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 6. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn cân đối ngân sách tỉnh (không bao gồm nguồn thu cấp quyền sử dụng đất và xổ số kiến thiết)

1. Nguyên tắc phân bổ

Thực hiện theo nguyên tắc chung quy định tại Điều 4 Quy định này. Việc phân bổ phải đảm bảo sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư phát triển, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, thất thoát, lãng phí.

2. Tiêu chí tính điểm cho các huyện, thành phố, thị xã

a) Tiêu chí dân số

Bao gồm số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số. Cách tính cụ thể như sau:

Tiêu chí	Điểm
1. Số dân trung bình	
Đến 50.000 người được tính	2
Trên 50.000 người đến 200.000, từ 0 đến 50.000 người được tính 2 điểm, phần còn lại cứ 10.000 người tăng thêm được tính	0,4
Trên 200.000 người đến 300.000, từ 0 đến 200.000 người được tính 8 điểm, phần còn lại cứ 10.000 người tăng thêm được tính	0,2
Trên 300.000 người, từ 0 đến 300.000 người được tính 10 điểm, phần còn lại cứ 10.000 người tăng thêm được tính	0,1
2. Số người dân tộc thiểu số	
Cứ 10.000 người được tính	0,5

Trong đó: Số dân trung bình của các huyện, thành phố, thị xã được xác định căn cứ vào số liệu Niên giám thống kê của Cục Thống kê Nghệ An năm 2019; Số người dân tộc thiểu số được xác định căn cứ vào số liệu báo cáo của Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An năm 2019.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển

Bao gồm 4 tiêu chí: Tỷ lệ hộ nghèo, số thu nội địa (không bao gồm tiền sử dụng đất và xổ số kiến thiết), Tỷ lệ điều tiết về ngân sách tỉnh và Tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh so với tổng chi ngân sách địa phương.

Cách tính cụ thể như sau:

Tiêu chí	Điểm
1. Tỷ lệ hộ nghèo	
Cứ 1% hộ nghèo được	0,1
2. Thu nội địa	
Từ 0 đến 20 tỷ đồng	2
Trên 20 tỷ đồng đến 70 tỷ đồng	1,5
Trên 70 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	1
Trên 100 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng	0,5
Trên 200 tỷ đồng	0,25
3. Tỷ lệ điều tiết về ngân sách tỉnh	
Từ 0% đến 10%	1,5
Trên 10% đến 20%	1
Trên 20% đến 40%	0,5
Trên 40%	0,25
4. Tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh so với tổng chi ngân sách địa phương	
Trên 0% đến 30%	1
Trên 30% đến 50%, từ 0% đến 30% được tính 1 điểm, phần còn lại cứ 2% tăng thêm được tính	0,3
Trên 50% đến 70%, từ 0% đến 50% được tính 4 điểm, phần còn lại cứ 2% tăng thêm được tính	0,1
Trên 70% trở lên, từ 0% đến 70% được tính 5 điểm, phần còn lại cứ 2% tăng thêm được tính	0,05

Trong đó:

- Tỷ lệ hộ nghèo được xác định căn cứ vào số liệu cung cấp của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đến hết năm 2019;

- Số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết) được xác định căn cứ vào dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2020 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

- Tỷ lệ điều tiết về ngân sách tỉnh được xác định căn cứ vào dự toán ngân sách địa phương năm 2020 do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị.

- Tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh so với tổng chi ngân sách địa phương để tính toán điểm được xác định căn cứ vào Dự toán ngân sách địa phương năm 2020 do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị.

c) Tiêu chí diện tích

Bao gồm 2 tiêu chí: Diện tích đất tự nhiên và tỷ lệ che phủ rừng của các địa phương.

Cách tính cụ thể như sau:

Tiêu chí	Điểm
1. Diện tích đất tự nhiên	
Đến 50.000 ha	4
Trên 50.000 ha đến 70.000 ha, từ 0 đến 50.000 ha được tính 4 điểm, phần còn lại cứ 10.000 ha tăng thêm được tính thêm	2
Trên 70.000 ha đến 100.000 ha, từ 0 đến 70.000 ha được tính 8 điểm, phần còn lại cứ 10.000 ha tăng thêm được tính thêm	1
Trên 100.000 ha, từ 0 đến 100.000 ha được tính 11 điểm, phần còn lại cứ 10.000 ha tăng thêm được tính thêm	0,25
2. Tỷ lệ che phủ rừng	
Đến 20%	0,1
Trên 20% đến 50%	0,2
Trên 50%	0,4

Trong đó:

- Diện tích đất tự nhiên để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu niên giám thống kê của Cục Thống kê Nghệ An năm 2020;

- Tỷ lệ che phủ rừng được xác định căn cứ vào số liệu cung cấp của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đến hết năm 2019.

d) Tiêu chí về đơn vị hành chính cấp xã:

Bao gồm 03 tiêu chí: Tiêu chí đơn vị hành chính xã, Tiêu chí xã miền núi, và Tiêu chí xã biên giới đất liền.

Cách tính cụ thể như sau:

Tiêu chí	Điểm
<i>1. Đơn vị hành chính cấp xã</i>	
Mỗi xã được tính	0,3
<i>2. Xã miền núi</i>	
Mỗi xã được tính	0,1
<i>3. Xã biên giới đất liền</i>	
Mỗi xã được tính	0,1

Trong đó:

- Số liệu đơn vị hành chính cấp xã được xác định căn cứ vào số liệu báo cáo của Sở Nội vụ tính đến ngày 31/8/2020;

- Số liệu xã miền núi được xác định căn cứ vào số liệu báo cáo của Ban Dân tộc Nghệ An tính đến ngày 31/8/2020;

- Số liệu xã biên giới đất liền được xác định căn cứ vào số liệu báo cáo của Sở Ngoại vụ tính đến 31/8/2020.

đ) Tiêu chí bổ sung:

Tiêu chí	Điểm
Phát triển TP Vinh theo Quyết định 827/QĐ-TTg ngày 11/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ	30
Phát triển Cửa Lò thành đô thị du lịch biển	25
Phát triển TX. Thái Hòa thành đô thị động lực, trung tâm vùng phía Tây Bắc	15
Phát triển TX. Hoàng Mai trở thành đô thị trung tâm vùng Nam Thanh - Bắc Nghệ	15

<p>Các địa phương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khu vực phát triển vùng Nam Thanh - Bắc Nghệ, - Khu vực phát triển vùng Nam Nghệ - Bắc Hà, - Các địa phương hình thành các trục phát triển xung quanh thành phố Vinh; - Miền Tây Nghệ An; - Phát triển thành Đô thị thương mại, dịch vụ của Vùng Tây Nam. - Các huyện nông thôn mới 	5
---	---

Đối với các địa phương đồng thời có nhiều tiêu chí bổ sung thì áp dụng tiêu chí bổ sung có số điểm cao nhất.

3. Phương pháp tính mức vốn được phân bổ

a) Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng huyện, thành, thị (sau đây gọi tắt là huyện) và tổng số điểm của 21 huyện làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, theo các công thức sau:

- *Điểm của tiêu chí dân số:*

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí dân số chung của huyện thứ i là A_i

+ Gọi số điểm của dân số trung bình huyện thứ i là h_i .

+ Gọi số điểm của số người dân tộc thiểu số huyện thứ i là k_i .

Điểm của tiêu chí dân số huyện thứ i sẽ là:

$$A_i = h_i + k_i.$$

- *Điểm của tiêu chí trình độ phát triển:*

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí trình độ phát triển của huyện thứ i là B_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ nghèo huyện thứ i là n_i .

+ Gọi số điểm của tiêu chí thu nội địa (không bao gồm số thu cấp quyền sử dụng đất) thứ i là p_i .

+ Gọi số điểm của tiêu chí điều tiết về ngân sách tỉnh của huyện thứ i là q_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh so với tổng chi ngân sách huyện i là r_i

Điểm của tiêu chí trình độ phát triển huyện thứ i sẽ là:

$$B_i = n_i + p_i + q_i + r_i$$

- *Điểm của tiêu chí diện tích:*

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí diện tích của huyện thứ i là C_i .

+ Gọi số điểm của tiêu chí diện tích đất tự nhiên huyện i là m_i .

+ Gọi số điểm của tỷ lệ che phủ rừng của các huyện thứ i là l_i

Điểm của tiêu chí diện tích là:

$$C_i = m_i + l_i$$

- Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã:

+ Gọi tổng số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i là D_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã huyện thứ i là s_i .

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã miền núi huyện thứ i là t_i .

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã vùng cao huyện thứ i là u_i .

+ Gọi số điểm xã biên giới đất liền là v_i .

Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i sẽ là:

$$D_i = s_i + t_i + u_i + v_i$$

- Điểm của tiêu chí bổ sung:

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí bổ sung của huyện thứ i gọi là L_i

- Tổng điểm của huyện thứ i :

+ Gọi tổng số điểm của huyện thứ i gọi là X_i :

$$X_i = A_i + B_i + C_i + D_i + L_i$$

- Tổng số điểm của 21 huyện là Y , ta có:

$$Y = \sum_{i=1}^{21} X_i$$

b) Số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ được tính theo công thức:

Gọi K là tổng số vốn trong cân đối ngân sách tỉnh phân bổ cho các huyện theo tiêu chí (không bao gồm nguồn đầu tư từ thu chuyển quyền sử dụng đất và xổ số kiến thiết).

Z là số vốn định mức cho một điểm phân bổ vốn đầu tư, ta có:

$$Z = \frac{K}{Y}$$

c) Tổng số vốn đầu tư trong cân đối phân bổ theo tiêu chí của từng huyện được tính theo công thức:

Gọi V_i là số vốn đầu tư trong cân đối phân bổ theo tiêu chí của huyện i :

$$V_i = Z \times X_i$$

4. Cân đối sau tính điểm

Sau khi phân bổ theo các nguyên tắc, tiêu chí và định mức nêu trên, sẽ xem xét điều chỉnh, cân đối điểm giữa các địa phương đảm bảo tương quan hợp

lý, các địa phương có số điểm thấp sẽ được điều chỉnh đảm bảo bằng điểm trung bình của 10 huyện có số điểm thấp nhất.

Điều 7. Nguyên tắc phân bổ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết

1. Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất được phân chia theo tỷ lệ % tỉnh, huyện, xã do Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt. Đối với phần tỉnh trực tiếp phân bổ tập trung, trên cơ sở các nguyên tắc quy định ở Điều 4 Quy định này được bố trí để thực hiện các công trình trọng điểm của tỉnh, các công trình an sinh xã hội và các công trình phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, giao thông bức xúc... Đối với phần huyện, xã trực tiếp phân bổ do Hội đồng nhân dân huyện, xã xác định nguyên tắc, tiêu chí cụ thể nhưng phải đảm bảo nguyên tắc chung của tỉnh và định hướng cơ cấu tỉnh giao được quy định chi tiết tại Điều 8 Quy định này.

2. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn thu xổ số kiến thiết thực hiện theo đúng nguyên tắc chung quy định tại Điều 4 quy định này, quy định của Luật NSNN hiện hành và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn vượt thu ngân sách hàng năm (nếu có) thực hiện theo đúng nguyên tắc chung quy định tại quy định này và quy định của Luật NSNN hiện hành.

Điều 8. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách huyện, xã

Nguyên tắc phân bổ do Hội đồng nhân dân huyện, xã xác định cụ thể nhưng phải đảm bảo theo nguyên tắc chung quy định ở Điều 4 Quy định này và các nguyên tắc sau:

1. Bố trí vốn cho các công trình, dự án thực hiện theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ địa phương và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của địa phương.

2. Các công trình, dự án được bố trí vốn phải nằm trong quy hoạch đã được phê duyệt, thuộc danh mục kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của địa phương và có đầy đủ thủ tục về đầu tư theo quy định.

3. Tập trung bố trí vốn ngân sách huyện, xã để đối ứng hoàn thành các dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh, ngân sách Trung ương (chương trình mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới) theo cơ cấu nguồn vốn được cấp có thẩm quyền phê duyệt và cam kết khi đề xuất dự án. Ưu tiên phân bổ vốn đầu tư ngành giáo dục đào tạo và dạy nghề theo đúng cơ cấu định hướng của Hội đồng nhân dân tỉnh để đảm bảo tỷ lệ theo quy định.

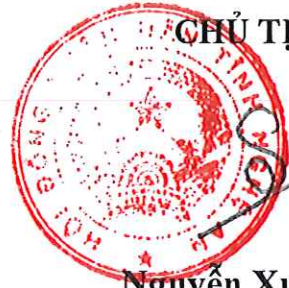
**CHƯƠNG III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức và chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban

nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết này theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Sơn